

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN P  
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 76/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 17 – 6 – 2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH HẬU GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Em.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Võ Như Phượng.
2. Bà Nguyễn Hồng Tươi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Mỹ Chi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2022/TLST – HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2022, về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1999.

Địa chỉ: ấp M, xã O, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Lý Minh T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: ấp K, thị trấn C, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện gửi Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T có tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Quá trình chung sống thì vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, từ năm 2020 đến nay thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng

quan điểm sống, anh T thường xuyên nhậu nhẹt, khi nhậu về thì kiếm có gây sự, đánh đập chị, từ đó vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương, chia sẻ nhau trong cuộc sống. Chị và anh T đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Chị và anh T sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Chị H nhận thấy không còn tình cảm với anh T nữa nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Lý Minh N (giới tính: Nam), sinh ngày 12/6/2017. Hiện con chung do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H thống nhất để anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không có tranh chấp.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án:* bị đơn anh Lý Minh T đều vắng mặt nên chưa thể hiện ý kiến.

*Tại phiên tòa,* chị H giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu theo đơn khởi kiện, anh T vắng mặt nên không thể hiện ý kiến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Toà xác định quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* bị đơn trong vụ án là anh Lý Minh T có địa chỉ cư trú tại huyện P, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ quy định tại các điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang.

[3] *Về xét xử trong trường hợp có đương sự vắng mặt tại phiên tòa:* anh Lý Minh T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Ngọc H và Lý Minh T tiến đến hôn nhân vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị được công nhận hợp pháp. Quá trình chung sống chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn, chị H yêu cầu ly hôn, anh T chưa thể hiện ý kiến. Toà xét thấy: Hôn nhân của anh chị dù được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nhưng quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, khi có mâu thuẫn anh chị không giải quyết được dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống và anh chị cũng không có biện pháp nào hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Thực tế anh chị đã không còn chung sống với nhau. Mặt khác, quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T bỏ mặc không đến Tòa, điều đó chứng tỏ tình cảm của anh đối với chị H cũng không còn, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị đã thật sự trầm trọng, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56

Luật hôn nhân và gia đình, Toà chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn với anh T.

[5] *Về con chung*: có 01 con chung tên Lý Minh N (giới tính: Nam), sinh ngày 12/6/2017. Cháu N hiện đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, tại phiên tòa chị H cũng thống nhất giao con chung cho anh T nuôi, chị không có tranh chấp. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, quyết định giao cháu N cho anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

[6] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Tuy nhiên do chưa yêu cầu, nên Tòa chưa xem xét trong cùng vụ án này.

[7] *Về tài sản chung và nợ chung*: các đương sự không ai có yêu cầu giải quyết nên Tòa chưa xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[8] *Về án phí*: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo mức không có giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc H được ly hôn với anh Lý Minh T.

2. Về con chung: giao cháu Lý Minh N (giới tính: Nam), sinh ngày 12/6/2017 cho anh Lý Minh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị Ngọc H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: buộc chị Trần Thị Ngọc H chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007919 ngày 18/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P thành án phí.

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã TT C, PH, HG.
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hoàng Em**